

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0302337793

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 09 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 13 tháng 12 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT CÁT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAT NAM PRODUCTION SERVICE TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CAT NAM CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Bù Cà Mau, Xã Phú Nghĩa, Huyện Bù Gia Mập, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: +084.908.732.724

Fax: 0271.2240626

Email: catnamltd@gmail.com

Website: www.catnamltd.com.vn

3. Vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐINH VĂN NHÂN	Việt Nam	50 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Tây Sơn, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	7.500.000.000	37,500	230799766	
2	LA LỄ PHÁT	Việt Nam	103 Lô C1, C/c Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	5.000.000.000	25,000	07007000002 5	

3	TRẦN HỮU NHÃ	Việt Nam	189/2 Hoàng Hoa Thám, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	5.000.000.000	25,000	04905700030 8	
4	LÊ THỊ THẢO LINH	Việt Nam	Tổ 2, Khu phố 2, Phường Long Thủy, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	2.500.000.000	12,500	07017900016 5	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ THỊ THẢO LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/08/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 070179000165

Ngày cấp: 13/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Khu phố 2, Phường Long Thủy, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 2, Khu phố 2, Phường Long Thủy, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Duy Hải

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: “Đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bù Cà Mau - Công ty TNHH TM-DV và Sản xuất Cát Nam” tại xã Phú Nghĩa, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bù Cà Mau – Công ty TNHH TM-DV và Sản xuất Cát Nam tại xã Phú Nghĩa, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước ngày 11/7/2007 tại Văn phòng UBND tỉnh Bình Phước;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bù Cà Mau đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình của Công ty TNHH TM-DV và Sản xuất Cát Nam;

Theo đề nghị của ông Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 214/TTr-STNMT ngày 20/8/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bù Cà Mau của Công ty TNHH TM-DV và Sản xuất Cát Nam (sau đây gọi là Chủ dự án).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Khi vận hành công trình, phải thực hiện đúng quy trình điều tiết và xả lũ; có phương án khắc phục và hạn chế tới mức thấp nhất những thiệt hại có thể xảy ra khi có sự cố hoặc lũ lớn.

2. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường do bụi và tiếng ồn từ hoạt động của Nhà máy, không gây ảnh hưởng đến khu vực dân cư lân cận. Nồng độ khí thải đạt tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5937, 5938-2005 đối với môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn đạt tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5949-1998.

3. Xử lý nước thải sinh hoạt trong quá trình xây dựng và hoạt động của Nhà máy đạt tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6772-2000 trước khi thải ra môi trường ngoài. Đầu tư trang thiết bị thu gom và xử lý chất thải rắn như trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

4. Định kỳ báo cáo kết quả giám sát môi trường nước mặt, nước ngầm và môi trường không khí theo đúng báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Số liệu giám sát môi trường báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, theo dõi.

5. Khi có sự cố ảnh hưởng đến môi trường, chủ dự án phải thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, theo dõi.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Sở TN&MT;
- Cty TNHH TM-DV&SX Cát Nam;
- LĐVP, CV: SX;
- Lưu VT.

122
K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Văn Danh
Bùi Văn Danh

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: *87* /2008/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam.

Địa chỉ: Xã Phú Nghĩa, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án đầu tư: Xây dựng công trình Thủy điện Bù Cà Mau.

a. Tổng số công trình: 02 công trình.

- Theo hồ sơ thiết kế cơ sở có các ký hiệu: VT.01; BPH-01-FS-TT03; NM.01/12 – NM.12/12; BPH-01-FS-ĐD-01/03 - BPH-01-FS-ĐD-03/03; BPH-01-FS-KTD-01/09 - BPH-01-FS-KTD-09/09; BPH-01-FS-ÔAL-01/05 - BPH-01-FS-ÔAL-05/05; BPH-01-FS-NM-02; BPH-01-FS-TCTC-01/03 - BPH-01-FS-TCTC-03/03; BPH-01-FS-DIEN-01;

- Do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Vina Mê Kông thiết lập và được Sở Công thương thẩm định tại Văn bản số 30/SCN-Đ ngày 14/6/2007 và Thông báo số 26/TB-SCT ngày 03/11/2008.

Gồm các hạng mục sau đây:

*** Công trình 1:** Đập đầu mối và kênh dẫn – Công trình thủy lợi cấp 4

Xây dựng trên 02 lô đất (02 GCN QSD đất thuộc 02 xã Sơn Giang và Phú Nghĩa, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước) có tổng diện tích: 63.003,8m².

Quy mô và các thông số về hạng mục công trình:

+ Đập tràn: Kích thước: 32,4 x 4,05 x 0,4 (dài x cao x dày)

+ Tuyến kênh: Kênh dẫn cửa vào là kênh đất, chiều dài 105m, mặt cắt hình thang, chiều rộng đáy kênh 2,5m; đầu nối với kênh dẫn là ống dẫn nước bằng BTCT, đường kính D2000mm, chiều dài 1120m.

+ Tuyến ống áp lực D1600mm, chiều dài 240m.

*** Công trình 2:** Nhà quản lý vận hành – Cấp IV

+ Diện tích xây dựng: 547,2m²

+ Chiều cao công trình: 10,2m; Số tầng: 01 tầng

+ Trên lô đất có diện tích 15.169,7m²

b. Công trình xây dựng tại: Vị trí khu đất thuộc 02 xã Sơn Giang và Phú Nghĩa, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00579 và T00580 do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 11/3/2008.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở trang sau của giấy phép này).

Đồng Xoài, ngày *21* tháng *11* năm 2008

h GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu phòng KT&QH XD.



huỳnh Thanh Dũng

Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ an toàn và bền vững công trình xây dựng của mình.
3. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.
4. Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
6. Khi xây dựng xong, chủ đầu tư phải báo cáo cho cơ quan cấp giấy phép đến nghiệm thu hoàn thành công trình và đưa vào sử dụng. Giấy phép xây dựng có kèm theo biên bản nghiệm thu công trình mới có giá trị đăng ký quyền sở hữu công trình.

Gia hạn giấy phép

1. Nội dung gia hạn:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Đồng Xoài, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 676 /SXD-NƠ,CS&BDS

Đồng Xoài, ngày 04 tháng 10 năm 2010

V/v xác nhận công trình xây dựng
của Công ty TNHH Thương mại
Dịch vụ Sản xuất Cát Nam

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Xây dựng có nhận được hồ sơ đề nghị xác nhận công trình xây dựng của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam. Qua kiểm tra hiện trạng công trình đã xây dựng, Sở Xây dựng xác nhận công trình xây dựng của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam như sau:

1. Nhà máy thủy điện:

- Cấp công trình: Cấp IV.
- Công suất: 4,0 (bốn) MW.

2. Nhà quản lý vận hành: 01 nhà

- Cấp công trình: Cấp IV.
- Diện tích xây dựng: 547,20 m².
- Kết cấu chủ yếu: Cột, vì kèo, xà gồ bằng thép; tường xây gạch + vách tole; mái lợp tole; nền bê tông.
- Số tầng: 01 tầng

(Có bảng xác nhận chi tiết kèm theo)

Trên đây là xác nhận công trình xây dựng của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam. Sở Xây dựng gửi kết quả xác nhận đến Sở Tài nguyên và Môi trường để làm cơ sở cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, P.NƠ,CS&BDS.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ XÂY DỰNG

XÁC NHẬN

(Kèm theo công văn số 676 /SXĐ-NĐ,CS&BĐS ngày 01 tháng 10 năm 2010)

Mục I. Chủ sở hữu công trình xây dựng

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT CÁT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302337793 cấp ngày 27/7/2010

Mục II. Thực trạng công trình xây dựng

1/ Tên công trình: Thủy điện Bù Cà Mau

Địa chỉ: Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Số TT	Hạng mục CT	Cấp CT	Diện tích XD (m ²)	DT sàn XD hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Số tầng	Năm XD
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
01	Nhà máy thủy điện	IV	-	4 MW		-	-
02	Nhà quản lý vận hành	IV	547,20	547,20	Cột, vì kèo, xà gỗ bằng thép; tường xây gạch + vách tole; mái lợp tole; nền bê tông.	01	-

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số, ngày, tháng, năm): T00579, T00580 cấp ngày 11/3/2009 Đất được giao hoặc thuê: Thuê Hợp đồng thuê đất (số, ngày, tháng, năm):

Thửa đất số: 150

Diện tích: 63.003,8

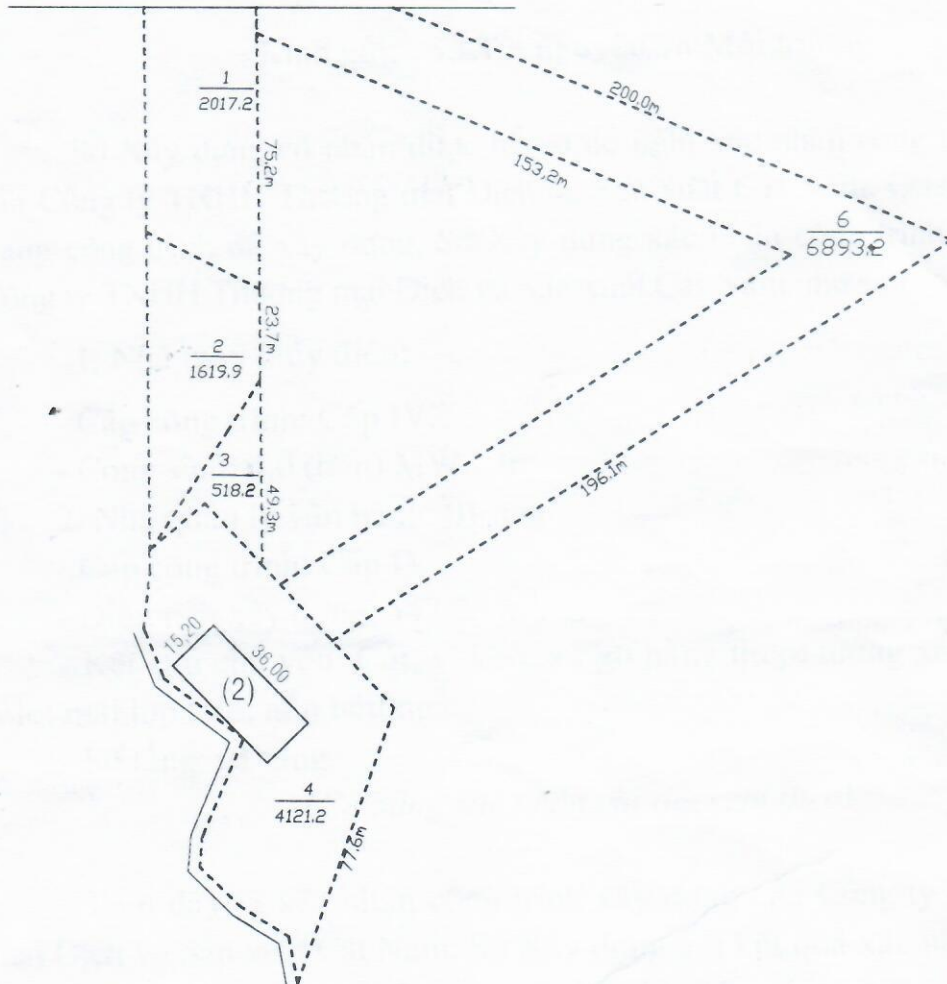
Sử dụng riêng: 63.003,8 m²

Sử dụng chung: - m²

Thời gian thuê từ ngày 11 tháng 3 năm 2008

đến ngày 11 tháng 3 năm 2058

Mục III. Sơ đồ công trình xây dựng



1- Nhà máy thủy điện (1) Công suất 4MW

2- Nhà quản lý vận hành (2) ΣDT 547,20 m²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 8 Tháng 11 Năm 2010

GIÁM ĐỐC



La Lê Hải

GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302337793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ hai ngày 27/7/2010.

- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

BB 110444

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: , tờ bản đồ số: ;
b) Địa chỉ: Theo ghi chú tại mục 6;
c) Diện tích: 70.098,6 m²;
(Bằng chữ: Bảy mươi nghìn không trăm chín mươi tám phẩy sáu mét vuông).
d) Hình thức sử dụng: riêng 70.098,6 m², chung: Không m²;
đ) Mục đích sử dụng: Đất công trình năng lượng;
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 11/3/2058;
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở:

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Thủy điện Bù Cà Mau.

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
01. Nhà máy thủy điện		4 MW		IV		-/-	-/-
02. Nhà quản lý vận hành	547,2	547,2	Cột, vì kèo, xà gỗ bằng thép; tường xây gạch + vách tole; mái tole; nền bê tông.	IV	01	-/-	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng:

5. Cây lâu năm:

6. Ghi chú:

- Địa chỉ thửa đất: + Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước: 54.928,9 m²;
+ Xã Long Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước: 15.169,7 m².

Đồng Xoài, ngày 21 tháng 12 năm 2010

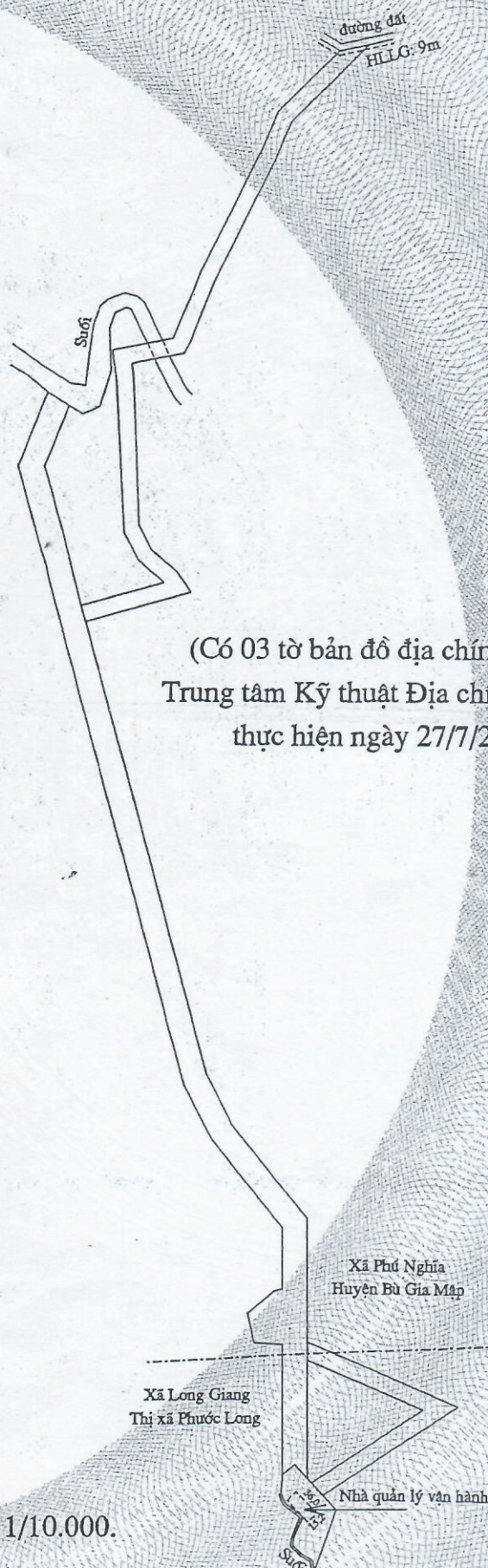
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC



Bùi Văn Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT

I. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Số: **2925** /QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày **21** tháng **12** năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 11/3/2008 của UBND tỉnh, thu hồi GCNQSD đất (cũ), cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 749/TTr-STNMT ngày 14/12/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 11/3/2008 của UBND tỉnh như sau:

“1. Thu hồi 300.423,8m² (Ba trăm nghìn bốn trăm hai mươi ba phẩy tám mét vuông) đất của Ban QLRPH Bù Gia Phúc, giao đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam để xây dựng công trình thủy điện Bù Cà Mau, cụ thể như sau:

a) Giao đất với diện tích 230.325,2 m² (Hai trăm ba mươi nghìn ba trăm hai mươi lăm phẩy hai mét vuông) để quản lý vùng ngập, tại xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập;

b) Cho thuê đất và cấp GCNQSD đất với diện tích 70.098,6 m² (Bảy mươi nghìn không trăm chín mươi tám phẩy sáu mét vuông) để xây dựng Nhà máy và các công trình phụ trợ, trong đó tại xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập: 54.928,9 m², tại xã Long Giang, thị xã Phước Long: 15.169,7 m².

(Có biểu chi tiết kèm theo)

- Vị trí và ranh giới khu đất: được xác định theo 03 tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000 do Trung tâm Kỹ thuật Địa chính tỉnh Bình Phước thực hiện ngày 27/7/2007;

- Mục đích sử dụng: đất công trình năng lượng;

- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, kể từ ngày ký Quyết định giao đất, cho thuê đất;

- Giá thuê đất: do Sở Tài chính xác định;

- Nguồn gốc đất: thuộc đất của Ban QLRPH Bù Gia Phúc, đã được UBND tỉnh giao đất và cấp GCNQSD đất theo Quyết định số 389/QĐ-UB ngày 19/3/2003."

Lý do điều chỉnh: do sai sót trong việc thống kê diện tích đất giao, cho thuê và cấp GCNQSD đất cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam.

Điều 2.

1. Thu hồi GCNQSD đất số T 00579 và T 00580 do UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam ngày 11/3/2008.

Lý do thu hồi: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam đề nghị cấp đổi GCNQSD đất và bổ sung tài sản gắn liền với đất.

2. Cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất với diện tích 70.098,6 m² (Bảy mươi nghìn không trăm chín mươi tám phẩy sáu mét vuông) cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam, cụ thể như sau:

- Khu đất tọa lạc tại: xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập và xã Long Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, trong đó:

- + Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập: 54.928,9 m²;
- + Xã Long Giang, thị xã Phước Long: 15.169,7 m²;

- Mục đích sử dụng: đất công trình năng lượng;

- Thời gian sử dụng: Đến ngày 11/3/2058;

- Nguồn gốc đất: thuộc đất của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam, đã được UBND tỉnh cho thuê và cấp GCNQSD đất tại Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 11/3/2008;

- Tài sản gắn liền với đất: (Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 3. Sau khi có Quyết định cấp đổi GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam có trách nhiệm:

- Đến Sở Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh lại Hợp đồng thuê đất; chấp hành đúng các quy định về quản lý, sử dụng đất;

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định, đồng thời đến UBND xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập và xã Long Giang, thị xã Phước Long để đăng ký biến động sử dụng đất.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở ngành Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Cục Thuế, Chủ tịch UBND thị xã Phước Long, Chủ tịch UBND huyện Bù Gia Mập, Chủ tịch UBND xã Long Giang, Chủ tịch UBND xã Phú Nghĩa, Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- CT, PCT;
- Như điều 4;
- LĐVP, CV: P. SX (T525);
- Lưu: VT. 161

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

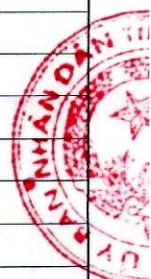


Bùi Văn Danh

BIỂU CHI TIẾT
DIỆN TÍCH GIAO ĐẤT, CHO THUÊ VÀ CẤP GCNQSD ĐẤT CHO
CÔNG TY TNHH TMDV SX CÁT NAM ĐỂ XÂY DỰNG THỦY ĐIỆN BÙ CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 21 / 12 /2010 của UBND tỉnh)

ST T	Vị trí khu đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích			Ghi chú
				Tổng	Giao đất	Cho thuê đất	
I	Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập			285.254,1	230.325,2	54.928,9	
1	Vùng ngập			230.325,2	230.325,2		
		1	1	2.926,8	2.926,8		
		1	2	346,0	346,0		
		1	3	1.231,6	1.231,6		
		1	4	187,7	187,7		
		1	5	1.813,8	1.813,8		
		1	6	496,8	496,8		
		1	7	2.110,8	2.110,8		
		1	8	776,3	776,3		
		1	9	570,2	570,2		
		1	10	2.050,6	2.050,6		
		1	11	7.248,7	7.248,7		
		1	12	26.482,3	26.482,3		
		1	13	2.970,7	2.970,7		
		1	14	3.020,9	3.020,9		
		1	15	1.364,3	1.364,3		
		1	16	5.141,5	5.141,5		
		1	17	3.428,2	3.428,2		
		1	18	532,2	532,2		
		1	19	5.895,4	5.895,4		
		1	20	178,1	178,1		
		1	21	3.518,1	3.518,1		
		1	22	3.666,0	3.666,0		
		1	23	2.449,2	2.449,2		
		1	24	2.405,1	2.405,1		
		1	25	8.384,5	8.384,5		
		1	26	5.277,0	5.277,0		
		1	27	2.728,8	2.728,8		
		1	28	133,1	133,1		
		1	29	6.035,3	6.035,3		
		1	30	941,3	941,3		
		1	31	6.268,8	6.268,8		
		1	32	441,0	441,0		
		1	33	10.442,7	10.442,7		
		1	34	8.387,4	8.387,4		
		1	35	2.725,0	2.725,0		
		1	36	3.921,9	3.921,9		



ST T	Vị trí khu đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích			Ghi chú
				Tổng	Giao đất	Cho thuê đất	
		1	37	14.532,5	14.532,5		
		1	38	1.196,3	1.196,3		
		1	39	518,3	518,3		
		1	40	1.406,0	1.406,0		
		1	41	8.656,9	8.656,9		
		1	42	397,6	397,6		
		1	43	414,8	414,8		
		1	44	1.583,9	1.583,9		
		1	46	1.739,8	1.739,8		
		1	47	301,5	301,5		
		1	48	274,9	274,9		
		1	49	2.156,0	2.156,0		
		1	50	7.487,9	7.487,9		
		1	51	2.457,3	2.457,3		
		1	52	6.410,7	6.410,7		
		1	53	20.032,6	20.032,6		
		1	54	2.227,8	2.227,8		
		1	55	4.823,8	4.823,8		
		1	56	2.177,9	2.177,9		
		1	58	2.871,7	2.871,7		
		1	59	2.512,4	2.512,4		
		1	60	1.334,2	1.334,2		
		1	61	2.920,7	2.920,7		
		1	62	2.605,3	2.605,3		
		1	65	2.786,3	2.786,3		
2	Khu Nhà máy và các công trình phụ trợ			54.928,9		54.928,9	
		1	45	2.131,9		2.131,9	
		1	57	4.327,0		4.327,0	
		1	63	312,4		312,4	
		1	64	323,5		323,5	
		1	68	59,9		59,9	
		1	69	55,8		55,8	
		1	70	1.312,8		1.312,8	
		1	71	315,6		315,6	
		1	72	241,5		241,5	
		1	73	110,6		110,6	
		1	74	1.804,7		1.804,7	
		1	75	1.878,1		1.878,1	
		1	76	826,4		826,4	
		1	79	966,5		966,5	
		1	80	3.308,4		3.308,4	
		1	81	46,3		46,3	
		1	82	1.703,8		1.703,8	

ST T	Vị trí khu đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích			Ghi chú
				Tổng	Giao đất	Cho thuê đất	
		1	83	3.388,5		3.388,5	
		2	1	4.320,5		4.320,5	
		2	2	3.938,2		3.938,2	
		2	3	7.370,1		7.370,1	
		2	4	3.192,2		3.192,2	
		2	5	1.828,8		1.828,8	
		2	6	3.083,4		3.083,4	
		2	7	1.631,4		1.631,4	
		2	8	961,9		961,9	
		2	9	2.093,0		2.093,0	
		2	10	3.031,9		3.031,9	
		2	11	151,7		151,7	
		2	12	212,1		212,1	
II	Xã Long Giang, TX Phước Long			15.169,7		15.169,7	
1	Khu Nhà máy và các công trình phụ trợ			15.169,7		15.169,7	
		1	1	2.017,2		2.017,2	
		1	2	1.619,9		1.619,9	
		1	3	518,2		518,2	
		1	4	4.121,2		4.121,2	
		1	6	6.893,2		6.893,2	
	Tổng			300.423,8	230.325,2	70.098,6	



Số: 58 /CV - PC23

Đồng Xoài, ngày 18 tháng 8 năm 2010

Kính gửi: Công ty TNHH TM-DV-SX Cát Nam.

Theo Văn bản số 01/CV ngày 13/8/2010 về việc nghiệm thu hệ thống PCCC của Công ty TNHH TM-DV-SX Cát Nam.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về Phòng cháy chữa cháy do Chủ đầu tư chuẩn bị và Biên bản kiểm tra nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy lập ngày 17/8/2010.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC:
đồng ý nghiệm thu về hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

Công trình: **Nhà máy thủy điện Bù Cà Mau.**

Chủ đầu tư: **Ông La Lễ Tài - Giám đốc**

Xây dựng tại: Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Các hệ thống PCCC gồm: Hệ thống cấp nước chữa cháy; hệ thống báo cháy tự động; Bình chữa cháy các loại.

Đồng thời đề nghị Chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Phải lập bộ hồ sơ theo dõi, quản lý PCCC theo Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ công an quy định.

- Các thiết bị, dụng cụ có liên quan đến PCCC phải được thường xuyên kiểm tra theo định kỳ đảm bảo các yêu cầu về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng./.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư công trình.
- Lưu PC23.

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá: *Phạm Văn Xuân*

Bình Phước, ngày 31 tháng 7 năm 2013

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 70.000131.T
(Cấp lần đầu)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ – Sản xuất Cát Nam.

Địa chỉ: xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 06516.289309

Tài khoản số: 0031001167009 tại: Ngân hàng An Bình – chi nhánh Bình Dương.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0302337793 (số cũ 4402000892) cấp ngày 29/9/2007, thay đổi lần thứ 2 ngày 27/7/2010.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo Danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 của Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH TM-DV-SX Cát Nam;
- Lưu: CCBVMT.



KIỂM GIÁM ĐỌC

PHỤ GIÁM ĐỌC

Nguyễn Long Đoàn



(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 70.000131.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 31 tháng 7 năm 2013)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Nhà máy thủy điện Bù Cà Mau – Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ – Sản xuất Cát Nam.

Địa chỉ: Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: : 06516.289309

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0302337793 (số cũ 4402000892) cấp ngày 29/9/2007, thay đổi lần thứ 2 ngày 27/7/2010, thay đổi lần 3 ngày 10/8/2011.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
01	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	05	08 02 04
02	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	05	16 01 06
03	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	05	16 01 13
04	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	10	17 02 03
05	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	100	17 01 06
06	Bao bì cứng thải bằng nhựa (Thùng phuy, can nhựa đựng dầu mỡ thải)	Rắn	100	18 01 03
10	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Giẻ lau dính dầu nhớt)	Rắn	50	18 02 01
Tổng số lượng			275	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
01	Nước thải sinh hoạt	Lỏng	73.000
02	Giấy loại từ văn phòng	Rắn	05
03	Rác thải sinh hoạt	Rắn	730
Tổng số lượng			73.735

4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Danh sách các hồ sơ, giấy tờ trong hồ sơ đăng ký:

- Đơn đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại ngày 26/7/2013 của Công ty;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302337793 cấp ngày 29/9/2007 (Thay đổi lần 3 ngày 10/8/2011) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp;
- Bản sao Quyết định số: 1816/QĐ-UBND ngày 23/8/2007 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: “Đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bù Cà Mau – Công ty TNHH TM-DV và Sản xuất Cát Nam” tại xã Phú Nghĩa, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt công trình thủy điện Bù Cà Mau, tỉnh Bình Phước của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ sản xuất Cát Nam và Hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ sản xuất Cát Nam (có địa chỉ tại xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Thủy điện Bù Cà Mau.
2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phát điện.
3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Khai thác, sử dụng nước sông Tà Niên, phụ lưu cấp 1 của sông Bé.
4. Vị trí công trình khai thác, sử dụng nước:
 - Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ (hệ tọa độ VN2000) các hạng mục công trình:

TT	Hạng mục	Tọa độ	
		X	Y
1	Tuyến đập dâng	579290	1314025
2	Cửa nhận nước	579575	1314140
3	Nhà máy	579151	1312978

5. Chế độ khai thác: Hồ chứa công trình thủy điện Bù Cà Mau vận hành theo chế độ điều tiết ngày đêm.

6. Lượng nước khai thác, sử dụng: Công suất lắp máy là 4MW; lưu lượng lớn nhất qua nhà máy là 7,8 m³/s.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: Công trình thủy điện Bù Cà Mau khai thác, sử dụng theo kiểu đường dẫn. Nước sau khi phát điện được trả về sông Bé sau vị trí nhập lưu của sông Tà Niên vào sông Bé 0,45km về phía hạ lưu, đoạn sông Tà Niên từ đập thủy điện Bù Cà Mau đến nhập lưu với sông Bé có chiều dài 4,8km.

8. Thời hạn của Giấy phép là mười (10) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ sản xuất Cát Nam:

1. Thực hiện đúng các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Bảo đảm duy trì lưu lượng xả thường xuyên, liên tục sau đập không nhỏ hơn 0,3 m³/s; Trường hợp có yêu cầu xả nước phục vụ sinh hoạt hoặc sản xuất ở hạ du, phải phối hợp chặt chẽ với địa phương và các tổ chức khai thác, sử dụng nước có liên quan để điều chỉnh lưu lượng xả nước qua đập hoặc qua các hạng mục công trình khác cho phù hợp.

3. Tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có trách nhiệm hỗ trợ người dân địa phương nơi xây dựng công trình.

4. Bảo đảm vận hành công trình an toàn, có phương án đề đối phó với tình huống vỡ đập, các tình huống đe dọa nghiêm trọng đến an toàn công trình, tính mạng và tài sản của nhân dân; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường.

5. Bố trí thiết bị, nhân lực để thực hiện việc vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước của công trình; quan trắc, theo dõi dòng chảy đến hồ, dòng chảy tối thiểu và dòng chảy phía hạ lưu công trình; lập sổ theo dõi lượng nước khai thác, sử dụng hàng ngày, tháng, năm.

6. Định kỳ hằng năm (trước ngày 15 tháng 12) báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về kết quả quan trắc, tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng nước tại công trình thủy điện Bù Cà Mau.

7. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương. Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và sự ổn định của công trình, Công ty có trách nhiệm báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và các cơ quan chức năng để có biện pháp xử lý.

8. Nộp thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ sản xuất Cát Nam được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ sản xuất Cát Nam còn tiếp tục khai thác, sử dụng nguồn nước sông Tà Niên với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Bình Phước;
- Cục Điều tiết điện lực - Bộ Công Thương;
- Thanh tra Bộ;
- Sở TN&MT tỉnh Bình Phước;
- Cục Thuế tỉnh Bình Phước;
- Công ty TNHH TM-DV-SX Cát Nam (02);
- Lưu: VT, VPMC Bộ TNMT, Hồ sơ cấp phép (02), TNN.

en *ph*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thái Lai

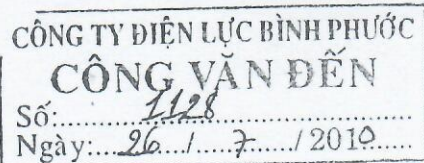


ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 2381/UBND-SX
V/v vận hành tổ máy dự phòng
của nhà máy thủy điện Bù Cà Mau.

BẢN SAO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc 17

Đồng Xoài, ngày 22 tháng 7 năm 2010



Kính gửi: - Sở Công Thương;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Bù Gia Mập;
- Công ty Điện lực Bình Phước;
- Công ty TNHH TM - DV - SX Cát Nam.

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Công văn số 788/SCT-ĐN, ngày 20/7/2010 về việc cho tổ máy dự phòng có công suất 980KW phát điện đồng thời cùng 3 tổ máy chính của dự án nhà máy thủy điện Bù Cà Mau,

Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ - Sản xuất Cát Nam vận hành, phát điện tổ máy dự phòng công suất 980KW đồng thời cùng 3 tổ máy chính của nhà máy thủy điện Bù Cà Mau với điều kiện không được thay đổi ca trình đập, các thông số chính của tuyến năng lượng và phải chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động, sinh hoạt của dân cư xung quanh, bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình vận hành, khai thác nhà máy thủy điện này.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra xử lý những sự cố (nếu có) vận hành, khai thác của nhà máy thủy điện Bù Cà Mau theo đúng quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như trên;
- LĐVP; CV: Hòa, Tiến;
- Lưu: VT.



Chứng thực bản sao
đúng với bản chính

Số chứng thực: 6.2.3.02 Quyển số: SCT/BS

Ngày 19 tháng 07 năm 2010

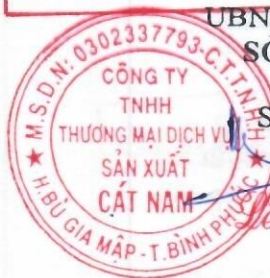
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG TÂN BÌNH

Trương Tấn Thiệu



Phạm Văn Khởi

SAO Y BẢN CHÍNH



UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **26** /TB - SCT

Đồng Xoài, ngày 17 tháng 11 năm 2008

Lê Chi Chảo Linh

THÔNG BÁO

ĐIỀU CHỈNH KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN BÙ CÀ MAU HUYỆN PHƯỚC LONG TỈNH BÌNH PHƯỚC

Kính gửi: Công ty TNHH TM-DV Cát Nam

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 30/2006/QĐ-BCN ngày 31/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về quản lý đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập;

Xét Công văn số: 14/CV-CN-2008 ngày 05/18/2008 của Công ty TNHH TM-DV & SX Cát Nam về việc: đề nghị phê duyệt điều chỉnh một số hạng mục trong thiết kế cơ sở của dự án thủy điện Bù Cà Mau (kèm theo hồ sơ điều chỉnh);

Sở Công Thương có Công văn số: 212/SCT-Đ ngày 14/8/2008 về việc thẩm định chuyên ngành dự án thủy điện Bù Cà Mau. Ý kiến của các Sở, ngành: Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước tại Công văn số: 859/SXD-KTKT ngày 31/10/2008;

Căn cứ vào Điều 9 của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng công trình và xem xét hồ sơ, Sở Công nghiệp thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở công trình thủy điện Đak Glun với nội dung chính như sau:

1. Các văn bản pháp lý:

Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án thủy điện Bù Cà Mau, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước tại Công văn số: 30/SCN-Đ ngày 14/6/2007 của Sở Công nghiệp tỉnh Bình Phước;

Quyết định phê duyệt dự án đầu tư thủy điện Bù Cà Mau, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước tại Quyết định số: 30/CV-CN-2007 ngày 20/9/2007 của Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ & Sản xuất Cát Nam.

Biên bản vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng xây dựng và quản lý sử dụng nhà số: 24/BB-VPHC ngày 16/9/2008 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước.

Công văn số: 3043/UBND-SX ngày 03/10/2008 của UBND tỉnh về việc miễn phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng đối với Công ty TNHH TM-DV&SX Cát Nam.

2. Kết quả điều chỉnh thẩm định thiết kế cơ sở:

STT	Các hạng mục	KQ thẩm định tại CV số 30/SCN-Đ	KQ đề nghị điều chỉnh
1	Nhà máy cấp 4	300m ²	547,2m ²
2	Đập tràn(dài x cao x dày)	15 x 2	32,4 x 4,05 x 0,4
3	Tuyến năng lượng		
	-Kênh dẫn BTCT	1700mm (BTCT)	2000mm (BTLT)
	-Ống áp lực	1700mm(BTCT)	1600mm(thép tròn)
4	Tổ máy (tổ công suất)	3 x1000Kw=3000kw	3x980KW = 2940KW

Ghi chú : Có 01 tổ dự phòng công suất 980KW để đề phòng khi bị sự cố.

Các nội dung còn lại áp dụng theo Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án thủy điện Bù Cà Mau, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước tại Công văn số : 30/SCN-Đ ngày 14/6/2007 của Sở Công nghiệp tỉnh Bình Phước và Quyết định số 30/CV-CN-2007 ngày 20/9/2007 của Công ty TNHH.TM-DV&SX Cát Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bù Cà Mau.

-Kết quả thẩm định này là cơ sở để chủ đầu tư phê duyệt điều chỉnh công trình dự án thủy điện Bù Cà Mau.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để thực hiện) Quyền số.....SCT/BS
- Như trên (06 bộ); Ngày 24 tháng 1 năm 2010
- Lãnh đạo sở;
- Lưu VT; PQLB.

CHỦ TỊCH UBND PHƯỚC TÂN BÌNH

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Anh Khoa

Trần Quang Tỵ

Số : 486 / TH - UBND

Phước Long , ngày 24 tháng 9 năm 2007

"V/v. Chấp thuận chủ trương cho triển khai
xây dựng dự án thủy điện Bù Ca Mau
tại Phú Nghĩa, huyện Phước Long".

Kính gửi : Công Ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Và Sản Xuất Cát Nam.

Xét Công văn số: 46/CV-CN-2007 ngày 21 tháng 06 năm 2007 của Công Ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Và Sản Xuất Cát Nam V/v xin phép triển khai xây dựng dự án thủy điện Bù Ca Mau tại Phú Nghĩa, huyện Phước Long.

UBND huyện Phước Long chấp thuận triển khai xây dựng dự án thủy điện Bù Ca Mau tại Phú Nghĩa, huyện Phước Long với các thông số chính như sau:

- Tên công trình: Thủy Điện Bù Ca Mau.
- Chủ đầu tư : Công Ty TNHH TM – DV - SX Cát Nam.
- Địa điểm xây dựng: Xã Phú Nghĩa – Huyện Phước Long – Tỉnh Bình Phước.
- Diện tích sử dụng đất : Vùng ngập có 15 ha; Diện tích xây dựng 23,7 ha.
- Hình thức đầu tư: B.O.O (Xây dựng – vận hành – sở hữu)
- Nhà thầu lập thiết kế cơ sở : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng VinaMêkông
- Số tổ máy: 03 tổ; Công suất: 03MW
- Điện lượng trung bình năm : 12,55 triệu KWh.
- Nguồn nước : suối tà niện.
- Vị trí nhà máy : UTM 48P 13.12.817 07.15.728.
- Phạm vi công trình : UTM 48P 13.12.000 – 13.15.000; 07.15.000 – 07.17.000
- Đập dâng bằng BTCT : 2 x 15m.
- Cao trình đập : 194m.
- Tuyến năng lượng dài : 1341m.
- Tuyến truyền tải điện : 4500m.
- Diện tích xây dựng nhà máy: Công trình cấp IV 300 m²

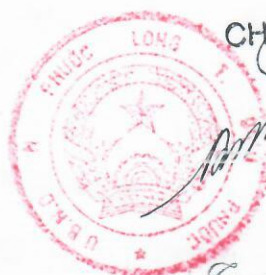
Khi triển khai xây dựng dự án thủy điện Bù Ca Mau tại Phú Nghĩa, UBND huyện yêu cầu Công Ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Và Sản Xuất Cát Nam phải hoàn thiện công tác giải toả đền bù đối với đất đai, cây trái, hoa màu và vật kiến trúc của người dân trên khu vực vùng ngập và các hạng mục của dự án thủy điện Bù Ca Mau theo đúng quy định của Nhà nước hoặc theo giá thoả thuận giữa Công ty với người dân

Trên đây là ý kiến của UBND huyện về việc triển khai xây dựng dự án thủy điện Bù Ca Mau tại Phú Nghĩa, huyện Phước Long của Công Ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Và Sản Xuất Cát Nam. / . //

Nơi nhận

- Như trên
- Phòng HTKT, TN&MT
- UBND xã Phú Nghĩa
- Lưu VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



CHỦ TỊCH

Trương Duy Diễm

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1.88.../SCT-ĐN

Đồng Xoài, ngày 20 tháng 7 năm 2010

V/v chấp thuận cho tổ máy dự phòng
có công suất 980KW phát điện đồng
thời cùng 3 tổ máy chính của dự án
nhà máy thủy điện Bù Cà Mau



Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Lê Thị Chảo Linh

Vừa qua Sở Công Thương có nhận Văn bản số 38/CV-2010 ngày 14/7/2010 của Công ty TNHH TM-DV-SX Cát Nam về việc đề nghị điều chỉnh công suất phát của Nhà máy thủy điện Bù Cà Mau từ 2.940kW lên 3.920kW;

Sau khi xem xét văn bản đề nghị cùng các văn bản và hồ sơ liên quan, Sở Công Thương đề xuất như sau:

Dự án Nhà máy thủy điện Bù Cà Mau tên gọi khác là dự án thủy điện Đaklim đã được Bộ Công nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 3454/QĐ-BCN ngày 18/10/2005 về việc phê duyệt Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc có công suất 4.000kW thuộc tọa độ $106^{\circ}26'00''$ - $11^{\circ}52'00''$ nằm trên địa bàn xã Đức Hạnh huyện Phước Long (nay là xã Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập). Hiện nay dự án thủy điện này đang vận hành 3 tổ máy có tổng công suất 2.940kW nhưng vẫn còn một lượng nước dư thừa rất lớn tràn qua (vào mùa mưa lũ) đủ để cho tổ máy dự phòng có công suất 980kW phát điện.

Để tận dụng tối đa nguồn nước sẵn có trong mùa mưa đồng thời tăng thêm nguồn thu thuế cho ngân sách nhà nước cũng như phát huy hiệu quả của dự án và không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh trong và ngoài khu vực dự án. Sở Công Thương đề nghị UBND tỉnh xem xét chấp thuận một số nội dung như sau:

1/ Chấp thuận cho Công ty TNHH TM-DV-SX Cát Nam vận hành thêm tổ máy phát điện dự phòng có công suất 980kW cùng với 03 tổ máy phát điện chính có công suất 3x980kW (từ công suất 3x980kW lên công suất 4x980kW). Tuy nhiên trong quá trình vận hành từ công suất 2.940kW lên công suất 3.920kW, Công ty TNHH TM-DV-SX Cát Nam chịu trách nhiệm tính toán đảm bảo an toàn cho đập và không làm thay đổi cao trình đập cũng như các thông số chính của tuyến năng lượng theo nội dung thẩm định tại văn bản số 30/SCN-Đ ngày 14/6/2007 và Thông báo số 26/TB-SCT ngày 03/11/2008 của Sở Công nghiệp nay là Sở Công Thương.

2/ Công ty TNHH TM-DV-SX Cát Nam chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo theo đúng qui định hiện hành.

Rất mong UBND tỉnh quan tâm, xem xét chấp thuận.

Trân trọng! *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- C.ty TNHH TM-DV-SX Cát Nam;
- Phòng QLĐN, CV.Chính;
- Lưu: VT.



Hồ Văn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

12

Số: 1230 /UBND-KSX

Đồng Xoài, ngày 05 tháng 6 năm 2007

V/v: Chấp thuận chủ trương mở
rộng Nhà máy thủy điện Bù Cà Mau
huyện Phước Long tỉnh Bình Phước.

Kính gửi:

- Sở Công nghiệp;
- Công ty TNHH TM-DV và SX Cát Nam

Xét đề nghị số 128/SCN-Đ ngày 15/05/2007 của Sở Công nghiệp và các ý kiến góp ý của Ủy ban Nhân dân huyện Phước Long cùng các Sở, ngành liên quan. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước có ý kiến như sau:

1) Chấp thuận cho Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ và Sản xuất Cát Nam triển khai đầu tư mở rộng Nhà máy thủy điện Bù Cà Mau tại xã Phú Nghĩa huyện Phước Long từ 0,5MW lên 03MW theo nội dung tờ trình số 128/SCN-Đ ngày 15/05/2007 của Sở Công nghiệp.

2) Giao Sở Công nghiệp hướng dẫn Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ và Sản xuất Cát Nam thực hiện triển khai các bước tiếp theo của dự án.

3) Chủ trương này có giá trị trong vòng một năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT;
- UBND h. Phước Long;
- LĐVP; CV: Hoà;
- Lưu VT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH



Bùi Văn Danh

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY ĐIỆN LỰC 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN SAO

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2007

Số: **1948** /CV-ĐL2-4

V/v: "Thỏa thuận đấu nối NM
thủy Điện Bù Cà Mau tỉnh
Bình Phước"

Kính gửi: Công ty TNHH TM-DV & SX Cát Nam

29/3/2007

889

- Căn cứ QĐ số 37/2006/QĐ-BCN ngày 16/10/2006 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp.
- Căn cứ Quyết định số 281/QĐ-EVN-HĐQT ngày 15/06/2005 của HĐQT Tổng Công ty Điện lực Việt Nam về việc ban hành " Quy chế về phân cấp ký kết và phê duyệt Hợp đồng mua bán điện giữa Tổng Công ty Điện lực Việt Nam và Chủ đầu tư các nhà máy điện độc lập".
- Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-EVN-TTĐ ngày 28/06/2005 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam về việc ban hành " Quy định về trình tự, thủ tục mua bán điện giữa TCT Điện lực Việt nam và chủ đầu tư các dự án nhà máy điện độc lập".
- Căn cứ công văn số 2241 /CV/EVN-KH ngày 10/05/2005 của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam về việc "đầu tư phát triển dự án thủy điện nhỏ Bù Cà Mau thuộc địa bàn tỉnh Bình Phước".
- Căn cứ công văn số 12/CV-CN-2006 ngày 28/11/2006 của Công ty Cát Nam về việc "xin đấu nối nguồn điện nhà máy thủy điện Bù Cà Mau vào lưới điện Quốc gia".
- Căn cứ công văn số 1074/CV-EVN-KH ngày 05/03/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc " Đầu tư phát triển dự án thủy điện Bù Cà Mau thuộc địa bàn tỉnh Bình Phước".
- Căn cứ đề nghị của Phòng Kỹ thuật Sản xuất, Công ty Điện lực 2 thỏa thuận phương án đấu nối như sau:

1. Công suất nhà máy: 03 MW
2. Vị trí đấu nối: lưới điện của Nhà máy thủy điện Bù Cà Mau được đấu nối vào lưới điện quốc gia tại trụ Trụ 119 thuộc tuyến 475 trạm 35/22kV Phước Long.
3. Công ty Cát Nam chịu trách nhiệm đầu tư đường dây 3xAC 50mm² từ Nhà máy đến vị trí đấu nối trụ 119 tuyến 475 Phước Long. Các giải pháp trong giai đoạn thiết kế cơ sở đường dây này chủ đầu tư phải thông qua sự thỏa thuận của Công ty Điện lực 2.
4. Tại vị trí đo đếm (trụ 119): đề nghị chủ đầu tư trang bị các thiết bị sau:
 - 4.1. Thiết bị đóng cắt, bảo vệ: LBFCO.
 - 4.2. Thiết bị đo lường gồm:
 - 03 biến dòng điện trung thế;
 - 03 biến điện áp trung thế;

- 01 điện năng kế 3 pha (multitariff meter) có khả năng đo:
 - + Dòng điện;
 - + Điện áp;
 - + Công suất hữu công;
 - + Công suất vô công;
 - + Điện năng hữu công;
 - + Điện năng vô công;
 - + Lập trình biểu giá;
 - + Lắp ghép được với hệ thống thu thập dữ liệu từ xa.
- 5. Trang bị thiết bị thông tin để liên lạc với các cấp điều độ lưới điện.
- 6. Điện áp tại điểm đấu nối phải bảo đảm đúng quy định.
- 7. Chủ đầu tư làm việc với Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam để thoả thuận giá điện trước khi đưa Nhà máy vào hoạt động.

KT. GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc

Nơi nhận:

- Như trên;
- Điện lực Bình Phước (P/h thực hiện)
- Lưu VP, KD&ĐNT, KH, KTSX (NQN7).

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....*9215*.....Quyển số.....*027*.....SCT

Tân Bình, Ngày.....*15*.....tháng.....*9*.....năm 200.....*8*



Nguyễn Trọng Hiếu



Hồ Quang Ái

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 03 tháng 01 năm 2023

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 01 /HĐNT-CN-CGQ

**Về việc: Xử lý chất thải nguy hại cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ
Sản xuất Cát Nam**

I. Các căn cứ ký kết hợp đồng

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;

Căn cứ vào khả năng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý và nhu cầu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam;

Hôm nay, tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam, Chúng tôi đại diện cho các bên ký kết hợp đồng gồm có:

II. Các bên ký hợp đồng

1. Bên giao thầu (gọi tắt Bên A)

Tên đơn vị : **Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam**

Địa chỉ : Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại : 0271.224.5007

Tại : NH TMCP Công Thương Việt Nam, CN Bình Phước.

Mã số thuế : 0302337793

Đại diện : Bà **Lê Thị Thảo Linh**

Chức vụ : Giám đốc Công ty

2. Bên nhận thầu (gọi tắt là Bên B)

Tên đơn vị : **Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý**

Địa chỉ : Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, Bình Phước.

Tài khoản số : 1020808305

Tại Ngân hàng: Vietcombank – Chi nhánh Bình Phước.

Mã số thuế : 3800743345



Giấy chứng nhận ĐKKD số: 3800743345, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 29/12/2022.

Đại diện : Ông **Lê Văn Tùng**

Chức vụ : Phó Giám đốc

(Theo Giấy Ủy quyền số 02.2023/CGQ-UQ ngày 03/01/2023)

Hai Bên thỏa thuận ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo những điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung công việc của hợp đồng:

1. Nội dung yêu cầu:

- Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh sau quá trình sản xuất của Bên A như danh mục chất thải nguy hại kèm theo dưới đây.
- Bên B chuẩn bị phương tiện, thiết bị để thu gom vận chuyển.
- Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn về quá trình vận chuyển, phương pháp xử lý, tiêu hủy đối với từng loại CTNH theo quy định của Bộ Tài nguyên & Môi trường.

2. Loại chất thải nguy hại cần vận chuyển và xử lý như sau:

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Điều Kiện Lưu Trữ
01	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	Bao bì
02	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Bao bì
03	Các thiết bị điện, linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13	Bao bì
04	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Thùng chứa
05	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	17 01 06	Thùng chứa
06	Bao bì cứng thải bằng nhựa (Thùng phuy, can nhựa đựng dầu mỡ thải)	Rắn	18 01 02	Bao bì
07	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (Giẻ lau dính dầu nhớt)	Rắn	18 02 01	Bao bì

Điều 2. Giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán:

1. Giá trị hợp đồng:

- Chi phí Bên A thuê Bên B thu gom, xử lý CTNH với Tần suất thu gom: **01 lần/năm**. Cụ thể:

- Từ mục 01 đến mục 07 tại Khoản 2 – Điều 1: Khối lượng khoán trọn là 1.000kg/năm/ 01 lần thu gom, với giá trị trước thuế là 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng./.).
- Trường hợp khối lượng thực tế vượt mức 1.000kg, thì tính chi phí khối lượng phát sinh là 12.000 đồng/kg vượt mức, chưa bao gồm thuế VAT.

Chi phí trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

- b. Chi phí duy trì dịch vụ: trong trường hợp trong năm Bên A không phát sinh bất kỳ CTNH nào cần xử lý theo Danh mục của Hợp đồng này thì Bên A phải trả một khoản phí cố định để duy trì dịch vụ cho Bên B là: 4.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu đồng).

2. Phương thức thanh toán:

2.1 Đối với phí thu gom, xử lý CTNH:

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100% qua ngân hàng.
- Thời hạn số lần thanh toán: Bên A sẽ thực hiện thanh toán 01 lần cho bên B trong vòng 15 ngày sau khi nhận được đầy đủ các hồ sơ thanh toán như sau:
- Hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính;
- Chứng từ xác nhận CTNH đã được xử lý;
- Biên bản giao nhận chất thải nguy hại cần vận chuyển và xử lý.

2.2 Đối với phí duy trì:

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100% qua ngân hàng.
- Thời hạn số lần thanh toán: Bên A sẽ thực hiện thanh toán 01 lần cho bên B trong vòng 15 ngày sau khi nhận được đầy đủ các hồ sơ thanh toán như sau:
- Hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính;
- Giấy đề nghị thanh toán.

Điều 3. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 4. Tiến độ và địa điểm thu gom:

- Tiến độ thực hiện: Thời gian thực hiện thu gom trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Bên A có Thông báo thực hiện gửi Bên B.
- Địa điểm thu gom: Tại Nhà máy của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Điều 5. Trách nhiệm của các bên:

1. Trách nhiệm của Bên A:

- Giao cho bên B các loại CTNH theo đúng danh mục hợp đồng.

- Bên A có trách nhiệm phân loại CTNH đảm bảo về Môi Trường.
- Phân loại chất thải theo đúng qui định về môi trường và đảm bảo chất thải được chứa đựng trong các bao bì, thùng chứa đảm bảo không rò rỉ ra ngoài.
- Hỗ trợ cho bên B khi đến làm việc tại kho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Cát Nam.
- Thanh toán đầy đủ cho Bên B theo Điều 2.

2. Trách nhiệm của Bên B:

- Khảo sát hiện trường trước khi thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.
- Thực hiện việc thu gom, vận chuyển an toàn không để rơi vãi và xử lý triệt để toàn bộ lượng CTNH đã được Bên A giao nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Bảo đảm tuyệt đối về vấn đề vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện dịch vụ theo Hợp đồng này;
- Bảo đảm phương tiện vận chuyển CTNH trong quá trình thực hiện dịch vụ thuộc danh sách các phương tiện, thiết bị chuyên dùng được phép vận hành theo quy định tại giấy phép hành nghề vận chuyển chất CTNH của Bên B có hiệu lực tại thời điểm vận chuyển CTNH;
- Trang bị bảo hộ lao động phù hợp cho cán bộ công nhân viên của mình theo đúng quy định của pháp luật khi đến làm việc tại khu vực lưu CTNH của Bên A và phải theo hướng dẫn của thủ kho bên A, không được phép vào bất kỳ khu vực nào khác ngoài khu vực tập trung lưu giữ CTNH. Nếu Bên B vi phạm quy định của Hợp đồng này mà gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên A thì bên A có quyền dừng hợp đồng;
- Trường hợp Bên B không đến nhận CTNH như đã được yêu cầu, thì Bên B phải thông báo bằng văn bản có chữ ký, con dấu của người có thẩm quyền để Bên A có biện pháp xử lý trong điều kiện cho phép của Bên A.
- Tuân thủ các quy định về xử lý CTNH theo yêu cầu của pháp luật, đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, chịu trách nhiệm giải quyết những vấn đề như rơi vãi trong quá trình vận chuyển và xử lý tiêu hủy CTNH;
- Bên B chịu trách nhiệm hoàn tất toàn bộ chứng từ CTNH đã xử lý theo quy định (có chữ ký xác nhận và đóng dấu của đại diện theo pháp luật của Bên B) và chuyển giao cho bên A.

Điều 6. Hiệu chỉnh bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: Khi phát sinh các nội dung công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết.

793-
TY
H
DỊCH
JAT
AM
BINH

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:
 - a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn.
 - b) Bên B bị phá sản, giải thể
 - c) Các hành vi khác (nếu có)
2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.
3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo Điểm b Khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho bên B (nếu có).

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi đã được hai bên ký kết.
- Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng và tiến hành thanh lý Hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B



ĐẠI DIỆN BÊN A

